

TÍN NGƯỠNG CÁ ÔNG - TỪ TẬP TỤC ĐẾN BIỂU TRƯNG

NGUYỄN DUY THIỆU*

1- Cá Ông trong đời sống của ngư dân Việt Nam

Cá Ông là một loài động vật có vú, to lớn nhất trên trái đất, sống tại các đại dương, được ngư dân Việt gọi một cách tôn kính là cá Ông Voi, gọi tắt là cá Ông. Cá Ông có nhiều loài, mỗi loài có kích thước, tập tính sống khác nhau. Trịnh Hoài Đức, trong *Gia Định thành thông chí* viết: "Cá biển có cá Voi đầu tròn, ở trán có lỗ phun nước, mũi miệng như con voi, mình trơn láng không có vẩy, đuôi chẻ đôi như đuôi tôm, tính hiền lành, hay cứu giúp người. Người đánh cá thường gọi là để lừa cá vào lưới. Thuyền đi biển bị đắm, cá này thường đưa người lên bờ. Dân vùng biển đều kính lễ. Có xác cá ấy trôi dạt vào đâu thì ngư dân góp tiền, vải, sắm quan tài để liệm chôn, lấy người trùm ngư dân làm tang chủ, lập đền thờ phụng".

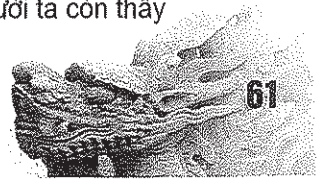
Có tài liệu nói rằng, tập tục ngư dân không đánh bắt cá Ông để ăn thịt, mà đã tôn thờ (phân bố rải rác trong các cộng đồng ngư dân ven bờ biển Thái Bình Dương) và đến nay tập tục ấy như chỉ còn tồn tại một cách đậm đặc và điển hình ở Việt Nam. Tại Việt Nam, tài liệu dân tộc học cho thấy, tập tục thờ cá Ông phổ biến trong người Việt và người Chăm từ vùng biển Thanh Hóa trở vào phía Nam. Tại vùng biển thuộc vịnh Bắc Bộ, có thể xưa kia

cũng tồn tại tập tục này, nhưng ngày nay đã bị các lớp văn hóa, tín ngưỡng phía Bắc phủ lên, nên tập tục này chỉ còn rất mờ nhạt ở đôi nơi hoặc không còn tồn tại nữa.

Nếu có dịp đến với các cộng đồng ngư dân ở Việt Nam, đâu đâu cũng có những câu chuyện về những ngư dân đã từng được cá Ông hỗ trợ để đánh bắt cá hoặc cứu mạng những lúc ngư dân gặp phong ba giữa biển khơi. Thí dụ: vào năm 1960, ông Nguyễn Văn Ngàn (tự là Tư Ngàn) ở khu vực 2 thị trấn Ông Đốc, có con là ngư phủ đi làm thuê cho tàu của ông Út Bí. Khi con tàu của ông ra khơi thì gặp biển động dữ dội, giông rất lớn. Trong lúc đang phụ lưới thì bị té xuống biển mất dạng. Tàu vào bờ báo cho ông Tư Ngàn và gia đình tổ chức tang sự. Trong khi đó, con ông trôi tới đá Bạc (cách đó khoảng 20km) thì được ghe lưới Kiên Giang vớt lên. Thời gian từ khi rơi xuống biển đến khi được vớt lên là 1 ngày, 1 đêm. Khi kể về thời gian này, anh cho biết, khi đã gần kiệt sức anh khẩn vái xin cá Ông cứu mạng và sẽ cạo đầu ăn chay trường thờ cá Ông. Sau đó anh cảm thấy ở phía dưới lưng được đỡ lên và có cảm giác như nằm trên tấm phản gỗ trôi nổi một ngày một đêm cho tới khi được vớt lên (Phạm Văn Tú, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, 2007, số 3).

Cũng theo nguồn tài liệu trên, hiện nay tại khu vực di tích thờ cá Ông ở Đá Bạc, trên tấm vách bên ngoài của điện thờ, người ta còn thấy

* BẢO TÀNG DÂN TỘC HỌC VIỆT NAM



lời tường thuật được ghi bằng sơn màu đỏ của một ngư dân thoát nạn nhờ sự cứu giúp của cá voi như sau: "Vào ngày 29 tháng 4 năm 1966 Âm lịch, tôi đang đi trên ghe cào ngoài khơi thì ghe bị phá nước, lại gặp trận giông to, sóng lớn phủ vào ghe, chỉ còn lá be nữa là chìm. Tôi nghĩ 5 anh em phải chết, tôi đã vái Ông: Sống được về nhà tôi xin cạo đầu. Lúc đang tát nước thì ghe nổi lên, thấy ghe thật nhẹ nhàng còn sóng thì êm. Đúng 4 tiếng đồng hồ vào tới làn nước đục, ngang mũi hòn đá bạc, tôi nghe ghe chuyển một cái, nhìn thấy một khối đen, da láng cách mũi ghe 10m. Tôi tránh qua thì ghe chìm xuống, sóng đưa tôi vào mũi Hòn. Lúc này tôi mới biết Ông "độ" phù hộ. Tới hòn, tôi thấy khối đen ấy là đầu Ông, ngang khoảng 3 mét không thấy chiều dài, sóng đập ghe vào đá giạt tới 7 lần. Năm anh em lên được bờ đá lúc đó ghe chìm".

Lão ngư Trần Ngọc (ở thôn Long Thủy, xã An Phú, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên) thì kể rằng: "cách đây gần 40 năm, ông cùng với một người cháu đưa thuyền ra khơi đánh cá. Khi thuyền đã cách bờ vài cây số thì bỗng dưng gió bão nổi lên, chiếc thuyền nan bị gió dập dũ dội, nghiêng bên này, ngả bên kia như muốn chìm. Trong lúc khốn cùng, ông dậm chân khẩn vái ngài Nam Hải. Lời khẩn bỗng chốc linh ứng, cá Ông đến kề lưng vào thuyền và giữ chặt không để nó chao đảo, rồi cá Ông đưa thuyền cùng đi với ông Ngọc về đến cù lao An Hải".

Cụ Nắm đã gần 80 tuổi cũng kể lại một cách xúc động: "cách đây trên 30 năm, vào một ngày mưa, cụ đưa thuyền ra khơi đánh cá, bị gió bão đánh lật thuyền, một mình cụ lênh đênh trên biển cả. Ông cầu khẩn ngài Nam Hải đến giúp và cá Ông đã đến cứu vào bờ. Từ lúc đó, cụ xem cá Ông đã sinh ra mình lần thứ hai. Đến ngày tết, ngày cúng giỗ cá Ông, cụ đều mua sắm lễ vật đem đến lạng vái tạ. Còn tại nhà riêng, cụ lập một bàn thờ Ông, đến ngày giỗ thì cúng như cha mẹ mình.

Ngư dân còn cho biết, ở Long Thủy, có ông Mẫn theo Công giáo, vốn không tin gì ngoài Chúa. Một hôm ông Mẫn đưa thuyền ra biển và gặp bão, thuyền của ông bị sóng đánh sắp chìm, các thợ bạn sợ quá dậm chân vái lạy kêu cứu, ngài Nam Hải xuất hiện và đưa thuyền vào

bờ. Được nhìn thấy những điều có tính linh thiêng của cá Ông nên khi về nhà ông Mẫn đã lập bàn thờ và đến ngày lễ cúng Cầu ngư, ông là một trong những người dân chài Công giáo tham gia tích cực về mọi mặt. Nhiều ngư dân tin rằng, cá Ông nghe được tiếng người và khi nghe những lời cầu khẩn thì Ông đến ngay lập tức. Nếu không đến kịp để thuyền chìm, ngư dân bị chết thì cá Ông ấy sẽ vào bờ tìm chỗ lụy để chuộc tội... (Nguyễn Thế Vịnh, LATS).

Truyền thuyết của người Chăm - một tộc người có truyền thống đi biển, cho rằng: cá Voi vốn là hóa thân của vị thần biển tên là Cha-Aih-Va. Vì nôn nóng trở về xứ sở sau một thời gian khổ luyện pháp thuật, nên vị thần này đã cãi lời thầy, tự ý biến thành cá Voi ra sông lớn mà đi, sau đó bị thầy trừng phạt. Cha-Aih-Va bị các loài thủy tộc ở biển Đông hành hình, bị hóa thành thiên nga, sau cùng trở lại hình người. Cha-Aih-Va đổi tên và tự xưng là Pô-ki-i-awsk, tức là thần sông biển. Từ đó trở đi, vị thần này là ân nhân của những người đi biển bị đắm thuyền. Mỗi khi nghe nạn nhân kêu cứu thì vị thần này hóa thành cá Voi tới cứu thuyền bè và người bị nạn.

Còn người Việt thì coi cá Voi như là sự hóa thân của Phật. "Một hôm Phật Bà Quan Âm trong một chuyến tuần du vùng biển phương Nam, thấy cảnh khổ của chúng sinh khi phải đương đầu và chết chìm trong giông tố. Quan Âm đã xé chiếc áo cà sa thành muôn mảnh, thả trên mặt biển làm phép biến thành cá Voi, nhưng lúc đầu thân hình cá quá nhỏ. Để đảm đương trọng trách cứu người, Ngài đã mượn bộ xương của ông Tượng trên rừng lồng vào thân cá Voi để cá có hình to lớn. Sau đó ban phép "thâu đường" (tức là rút ngắn con đường lại), nhờ đó mà cá Voi đã nhanh chóng cứu giúp người lâm nạn. Sau đó, Phật Bà cho những người đi biển mười hai câu nguyện gọi là "thập nhị đại nguyện" để cầu cứu cá Ông mỗi khi gặp nạn trên biển. Với chức năng chư tướng của Phật Bà, đi bên cá Voi luôn có một đội hộ tống âm binh gồm có cá Đao, cá Mực, Tôm, cá Ép. Nếu cá Ông thấy người bị lâm nạn mà không giải cứu thì sẽ bị cá Đao xử tội" (Toan Ánh, 2005, *Hội hè đình đám*, Nxb. Trẻ, tr. 117).

Trong các cộng đồng ngư dân ven biển

Nam Trung Bộ, vẫn còn lưu truyền những câu chuyện cá Ông đã cứu giúp vua Gia Long khi lâm nạn trên biển trong quá trình rút chạy khỏi sự tấn công của vua Quang Trung. Sau này các triều vua Nguyễn đã phong sắc thần cho nhiều cá Ông. Theo Nguyễn Đăng Vũ, Quảng Ngãi còn giữ được hơn chục sắc phong cá Voi tại các lăng Ông. Năm 1826, vua Minh Mạng tặng cho thần Nam Hải hai chữ "Từ Tế". Năm 1843, vua Thiệu Trị gia tặng thêm 4 chữ: "Chứng Linh", "Trợ Tín". Trong vòng 1 tháng năm 1850, vua Tự Đức gia tặng thêm hai chữ "Trùng Trạng". Vua Khải Định nhân mừng "tứ tuần đại khánh" đã ghi tên Nam Hải vào từ điển, gia tặng cá Voi là bậc Trung đẳng thần với danh hiệu "Uông Nhuận". *Sách Đại Nam nhất thống chí* (phủ Thừa Thiên) còn cho biết, vua Minh Mạng đã cho khắc, chạm hình đức ngư ông Nam Hải vào Nhân đỉnh (là đỉnh thứ 2 trong bộ cửu đỉnh của nhà Nguyễn). Cũng nhờ có sự bảo trợ này mà vai trò cá Ông càng được củng cố, nâng cao. Các lăng miếu thờ cá Ông càng được tu sửa, tôn tạo. Không chỉ thế, hàng năm triều đình còn ban phát cho các địa phương ít nhiều tiền của để ngư dân lo việc tế tự. Cho đến tận ngày nay còn rất nhiều sắc phong tặng cá Ông được lưu giữ trong các đền/lăng thờ cá Ông dọc theo ven biển từ Thanh Hóa tới mũi Cà Mau.

2- Tập tục thờ tự cá Ông

2.1- Đám tang

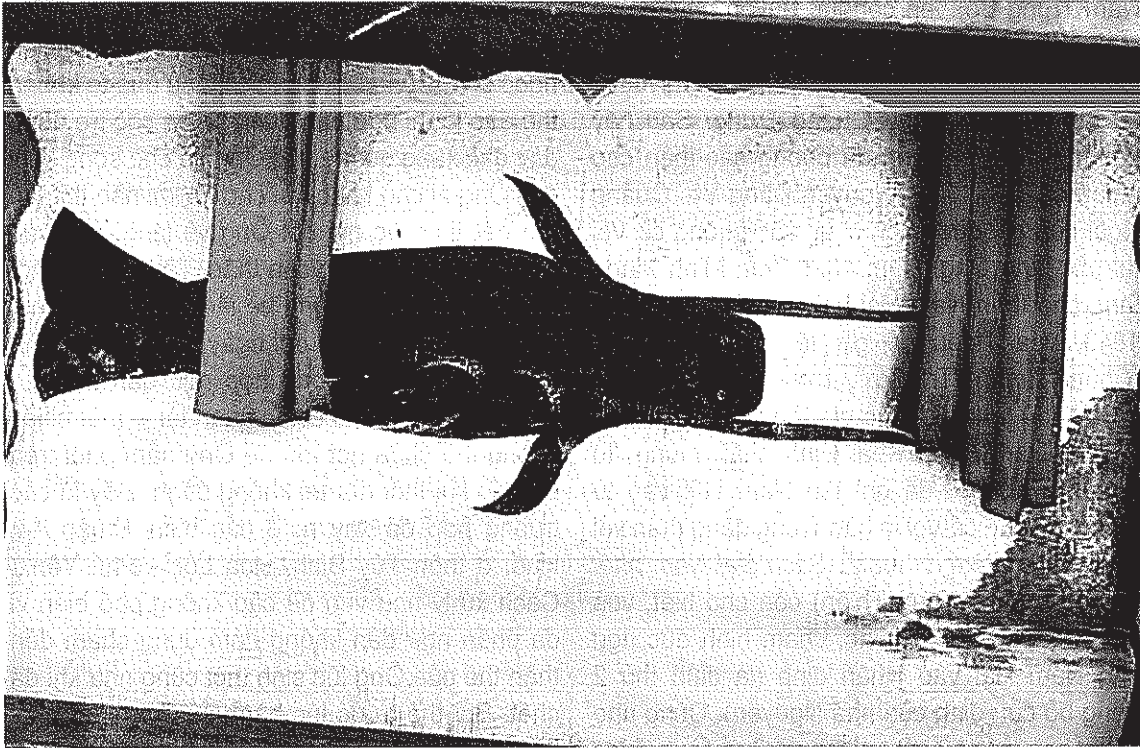
Theo tập quán của ngư dân, người nào trông thấy xác cá Ông đầu tiên thì người ấy được xem là trưởng nam và lo đám tang Ông, với tư cách là tang chủ. Trong trường hợp những cá thật lớn lụy thì trùm làng/vạn là chủ tang. Tang chủ có nhiệm vụ báo với trưởng vạn của mình biết sự việc để trưởng vạn huy động ngư dân sở tại đến chỗ Ông lụy mà đưa xác Ông về mai táng ở lăng. Nếu xác ở ngoài khơi thì vạn sẽ cử một đoàn thuyền ra tận nơi diu Ông vào bờ. Cùng lúc ấy, vạn cũng phải cử một số người lo việc dựng rạp trên bờ để tổ chức đám tang. Khi đã vào bờ, nếu xác cá Ông nhỏ (Ông cậu) thì người ta làm lễ bái rồi cho xác Ông vào quan tài. Nếu xác cá Ông quá to, dài không có quan tài nào chứa nổi thì ngư dân đành phải đào một cái hố cát ven bờ biển đủ

kích thước rồi hung táng Ông ở đây. Sau này bốc mộ, rước xương Ông về lăng gọi là "thỉnh ngọc cốt". Cũng có những cá Ông quá to không thể đào lỗ thì ngư dân dùng nhiều cọc tre đóng dày đặc xung quanh xác Ông để cho sóng khỏi đẩy Ông đi chỗ khác, rồi chờ tới khi nào thịt tan rữa hết thì rước hài cốt Ông về lăng, cho vào quan tài và mai táng cẩn thận. Táng tạm xong, ngư dân rước hồn Ông về lăng để thờ phụng, hương khói trong lúc đợi ngày đưa cốt Ông về. Cũng có những trường hợp ngư dân mổ xác Ông đưa vào nhiều chiếc quan tài vì một chiếc không thể chứa hết mà để Ông nằm phơi trên bờ đến khi thối rữa thì không đành. Đây là các trường hợp đã xảy ra ở cửa biển Thuận An, Huế; ở thôn Túy Bình, Hòa Lộc - Phú Yên... Cách xử lý như vừa đề cập không phổ biến vì đa phần ngư dân không dám đụng chạm đến thân thể của Ông lúc sinh thời cũng như khi đã chết. Bởi thế trước lúc hành sự, ngư dân phải bàn bạc để có sự thống nhất trong vạn và đương nhiên là phải "xin keo", nếu Ông chấp nhận mới thực hiện.

Khi đưa xác Ông vào rạp, hầu hết ngư dân trong vạn sở tại phải có mặt để nghinh đón và cùng lo tang cho Ông. Ngư dân quanh vùng có bốn phận đến dự tang Ông và đóng góp tiền của để lo việc đại sự. Trong thời kỳ lo đám cho Ông (thông thường là ba ngày) cả vạn không ai được vào lộng, ra khơi hay đi làm việc gì khác.

Tại những vạn chài trù phú, nơi có lăng Ông rộng lớn, trong đó có nhà võ ca, thì ngư dân đưa quan tài Ông vào đó, rồi thiết lập bàn thờ có chánh ban, hữu ban và tả ban. Ở bàn thờ có đủ lễ vật dâng cúng như trà rượu, hương đèn, hoa quả, xôi thịt, vì khi Ông lụy thì ngư dân cũng mổ heo cúng Ông để tỏ lòng hiếu thảo của mình. Chủ tang thì chít khăn điều, chống gậy, luôn có mặt trong suốt 3 ngày bên bàn thờ để đáp lễ khi có người dân trong vạn hoặc các vạn khác đến phúng viếng Ông.

Ở đôi nơi, trước lúc khâm liệm, ngư dân thường tổ chức "lên đồng" để biết được ý muốn của Ngài. Đêm trước của ngày đưa cá Voi ra huyết, làng tổ chức một cuộc tế lớn trước quan tài Ngài và soạn một mâm cỗ thật thịnh soạn bằng heo, bò để mời Ngài thượng hưởng. Trong cuộc tế này người đọc chúc sẽ đọc một bài văn



Hình tượng cá Ông trong lăng Ông ở Cà Mau, Kiên Giang (Ảnh: Tác giả)

điều ca ngợi công đức của cá Voi tựa như một bài điệu văn đối với một người có công đức với làng khi già từ cuộc sống.

Sáng hôm sau là lễ đưa Ngài về nơi an nghỉ cuối cùng. Sau khi an táng cá Ông, dân làng tổ chức cúng tế rồi cùng nhau ăn uống linh đình. Tất cả già trẻ, gái trai và khách vãng lai đều được tham dự. Ngư dân quan niệm, các nghi thức sau khi đã dâng cúng cá Ông có chất thiêng ở trong đó, đấy là lộc ngài ban cho nên ăn càng nhiều thì càng may mắn.

Mai táng được 3 ngày thì vạn chủ cùng chủ tang phải sắm một lễ nhỏ để mở cửa mả. Sau mai táng 100 ngày thì cúng bách nhật; một năm thì làm lễ cúng tiểu tuần; ba năm thì làm lễ đại trường.

Thông thường, chủ tang phải để tang cá Ông ba năm (cũng có trường hợp chỉ để tang cá Ông một năm nếu là Ông nhỏ). Trong thời gian để tang, chủ tang phải thực hiện những điều kiêng kị theo đúng phong tục, như không được tham gia các trò vui giải trí, không được cắt tóc, phải trai giới, phải cùng ông Từ hàng ngày lo việc nhang đèn, trà rượu bên bàn thờ cá Ông...

2.2- Cải táng đưa cốt Ông về lăng

Ngư dân dọc theo bờ biển khu vực Bắc Trung Bộ có những nghĩa địa chôn cá Ông, nhưng là chôn vĩnh cửu. Còn ở Nam Trung Bộ thì ngư dân lại theo tập tục cải táng. Thông thường, sau 3 năm mai táng, tang chủ sẽ báo với vạn chủ để xin phép làm lễ cải táng đưa hài cốt (ngọc cốt) của cá Ông vào thờ chung ở lăng. Ngày làm lễ thượng ngọc cốt không nhất thiết là đúng ngày luy của Ông mà chỉ cần ngày tốt trong tháng ấy; cũng vậy, ngày cúng giỗ Ông chỉ cần theo tháng chứ không theo ngày tìm thấy xác Ông. Để chọn "ngày tốt" ngư dân làm lễ "xin keo".

Khi đã chọn được ngày tốt, ban tế lễ bày biện mâm cỗ đưa ra lăng làm lễ. Người được chọn để lấy ngọc cốt là người có phẩm hạnh, thạo nghề và phải chay tịnh trước đó ba ngày. Ngọc cốt lấy lên phải được rửa sạch bằng nước biển hoặc nước giếng, sau đó rửa bằng rượu, bằng nước ngũ vị có mùi thơm. Rửa xong thì phải phơi khô bỏ vào chiếc quách hoặc quan tài. Nếu ngọc cốt quá lớn thì phải làm nhiều quan tài. Ngọc cốt được sắp đúng thứ tự từ đuôi tới đầu, mỗi năm đến ngày lễ Cầu ngư thì vạn

trưởng, vụn lạch cùng ban tế lễ lại đưa ngọc cốt ra rửa sạch, lau khô rồi đặt vào chỗ cũ. Làm như thế để ngọc cốt luôn sạch sẽ, không ẩm mốc, mục nát, tổn lạc vì ngọc cốt là hiện diện của Ông Nam Hải luôn che chở cho ngư dân trong những ngày ra khơi, vào lộng. Việc rước ngọc cốt vào lăng được tổ chức long trọng. Ngoài chức sắc, ban tế còn có đội cờ, đội trống, đội chèo, đội siêu, ban nhạc, nhà sư và ngư dân. Nhà sư có vai trò khá quan trọng trong lễ này vì họ vừa cầu siêu cho Ông lại vừa làm phép nhập lăng cho Ông nữa.

Khi đưa về lăng, ngọc cốt được đặt tại nhà võ ca để làm lễ tụng kinh, cầu khẩn ít nhất là một đêm rồi mới nhập vào điện thờ. Khi hành lễ, nhiều nơi đội Bả trạo tham gia diễn, với nội dung ca ngợi công đức cá Ông và lòng tôn kính của ngư dân đối với Ông.

Bởi tập tục thờ tự cá Ông đã có từ rất lâu đời, nên ngày nay đi dọc theo ven biển khu vực Bắc Trung Bộ chúng ta vẫn còn thấy những nghĩa địa cá Ông rộng lớn có tới hàng trăm ngôi mộ. Còn ở khu vực Nam Trung Bộ khi đến các vịnh lăng Ông, nhất là các vịnh lớn - vịnh tổng đàn, chúng ta còn được thấy có hàng trăm bộ xương cá Ông, đủ loại to nhỏ và vào nhiều thời kỳ khác nhau, được ngư dân tôn kính bảo quản một cách rất công phu. Xương nhỏ thì để trong chum, trong hòm, còn xương quá lớn thì để trên sàn, trên trần...

2.3- Cúng giỗ và lễ hội

Goi là giỗ nhưng không nhất thiết phải tổ chức đúng ngày Ông lụy mà mỗi năm được cộng đồng thực hiện xuân thu nhị kỳ: "xuân cầu, thu tạ". Thông thường, mùa xuân vào khoảng rằm tháng Giêng, ngư dân tổ chức làm lễ Cầu ngư, để cầu các vị thần linh của biển cả phù hộ, độ trì cho cộng đồng một năm được an lành, ra khơi đánh cá được an toàn, không gặp nguy hiểm và có một mùa cá bội thu. Trong truyền thống, sau lễ Cầu ngư, ngư dân mới ra khơi đánh cá.

Một mùa cá, thông thường là từ tháng Giêng cho tới tháng 7. Từ tháng 8 trở đi là mùa biển động, dân chài hạn chế việc ra khơi đánh bắt. Bởi thế, trong khoảng thời gian từ rằm tháng 7 cho tới rằm tháng 8 (trung thu) hàng năm, các cộng đồng ngư dân tổ chức lễ Tạ ngư. Nếu lễ

Cầu ngư ở đầu năm tương đương như lễ Mở cửa rừng, thì lễ Tạ ngư của ngư dân tương đương như lễ Đóng cửa rừng của cư dân săn bắt. Sau lễ tạ ngư nếu dân chài vẫn ra khơi thì họ có thể sẽ gặp các hung thần, ác thần của biển cả. Và, nếu thế thì rất khó đảm bảo được tính mạng ngoài biển khơi. Trong truyền thống, thông thường lễ tạ ngư được các cộng đồng ngư dân tổ chức lớn hơn lễ cầu ngư.

Cả lễ Cầu ngư và Tạ ngư thường lấy đền/lăng thờ cá Ông làm tâm điểm của không gian lễ hội. Nghi lễ ngư nghiệp này thường thu hút ngư dân không chỉ trong một làng mà là từ nhiều làng trong cả một khu vực rộng lớn và vị thần tối thượng mà ngư dân cầu cúng trong lễ hội này là thần cá Ông.

Như đã nói, lễ cúng giỗ cá Ông, nhất là lễ Tạ ngư vào mùa thu hàng năm được ngư dân - nhất là các cộng đồng ngư dân ở khu vực ven biển Nam Trung Bộ - tổ chức như các lễ hội lớn. Thông thường, lễ hội này có các bước sau đây:

- Lễ Túc yết, diễn ra trong khoảng 1 tiếng đồng hồ vào lúc chiều tối ngày hôm trước lễ hội, với sự tham gia đầy đủ của ban tổ chức vịnh, ban tế tự, ban nhạc lễ, đại biểu chính quyền, các vịnh chài khác và ngư dân sở tại. Mục đích của lễ này là để cộng đồng thỉnh báo tới các bậc thần linh về việc vịnh sẽ tổ chức lễ cúng cá Ông vào ngày hôm sau.

- Lễ Nghinh Ông, diễn ra vào khoảng 3 giờ sáng ngày tiếp sau. Mục đích của lễ là cộng đồng rước thần cá Voi về thụ lễ với dân làng. Ba chiếc thuyền được chuẩn bị trước sẽ ra ngoài khơi mời rước Ông vào. Thuyền đón Ông phải là những chiếc thuyền trong suốt năm ấy không gặp rủi ro và lúc đi đón Ông phải trang hoàng thật đẹp, với đầy đủ cờ, hoa và một số đồ tế lễ. Trên thuyền lớn nhất được bày hương án, bài vị, lọng, các thứ lễ vật dâng cúng như thủ, nong, đuôi, bộ lòng heo, hoa quả, bánh trái, xôi chè, đĩa sớ. Trên chiếc thuyền trung tâm này có các vị chánh lễ, bồi tế, chủ vịnh, tư văn, hành nghi, trò lễ ngồi cùng. Cũng có nơi ngư dân mời các vị sư đi cùng để cầu siêu cho cá Ông. Chiếc thuyền thứ hai chở đội trống chiêng, gồm đại chinh cổ, tiểu chinh cổ và đại diện các xóm, chính quyền, các ban vịnh khác. Chiếc thuyền thứ ba chở đội gươm và đội chèo Bả trạo cùng

các thứ đạo cụ, trang phục cần thiết.

Chiếc thuyền lễ đi đầu, hai chiếc thuyền còn lại đi song song theo hướng thẳng ra biển khơi. Trên đường đi trống chiêng gióng lên đều đặn theo sự chỉ đạo của dàn nhạc. Ra đến địa điểm ước định (cách bờ khoảng 3 hoặc 4km) thì các thuyền neo lại để làm lễ. Vị chánh tế làm lễ đọc sớ, khấn vái thỉnh mời đức Ông.

Sau khi thỉnh mời vị chánh tế làm lễ "xin keo", nếu Ông đã chấp thuận lên thuyền về nhập điện dự lễ với ngư dân thì các ông bồi tế thả hương hoa, vàng mã, gạo muối xuống biển và đoàn thuyền nghinh Ông lượn quanh mấy vòng rồi rước Ông về. Ở trên bờ, ngư dân đã tề tựu đông đủ để chào đón Ông và rước long đình cùng lễ vật vào làng. Vị chánh tế thay mặt ban tế lễ kính cẩn bưng bát hương đặt lên điện thờ Ông.

- Lễ chánh tế, diễn ra vào khoảng 5 - 6 giờ sáng khi Ông đã được nghinh rước vào làng. Đây là ngày lễ trọng đại nên mọi thứ được chuẩn bị chu tất và được thực hành một cách cẩn trọng. Để hỗ trợ cho lễ tế quan trọng này, đội đại chinh cổ sắp hàng hai bên lễ sân, đội tiểu cổ sắp hàng hai bên hương án ở nhà Tiền tế. Trong không khí trang nghiêm, sau ba hồi chiêng trống, các thành viên trong ban tế tự khấn áo chỉnh tề bước vào vị trí chuẩn bị hành lễ. Đội gươm đứng trước, đội chèo đứng sau xếp thành hai hàng chỉnh tề giữa sân để hầu thần. Đội gươm gồm 18 người, trang phục màu xanh đậm, nẹp trắng, thắt lưng đỏ trông rất oai vệ có nhiệm vụ mang gươm múa vòng quanh cuộc tế mỗi khi chủ tế xuống đến những câu "sơ tế", "á tế" "chung tế" theo sự điều khiển bằng phách tre của ông tổng gươm. Đội này còn múa theo các thế "lưỡng long châu nguyệt", "long phụng triều châu"... mang tính chất diễn xướng hầu thần và xua đuổi tà ma, quỷ quái. Trong lễ chánh tế không thể thiếu mục đọc văn tế. Sau khi văn tế được đọc xong, ông tư văn làm lễ "hoá" rồi sau hai tuần rước nửa thì đến phần ẩm phước, dâng trà, phát chẩn gạo, muối bốn phương, đốt vàng mã và "lễ tất".

Nhiều vạn chài còn có trò múa hát "Bả trạo" Hát Bội, Lắc thúng, diễn ra sau lễ chánh tế để vừa hầu thần, vừa phục vụ nhu cầu giải trí vui

chơi cho ngư dân trong dịp lễ hội. Khi xong lễ thì các thứ lễ vật vừa cúng được tung ra tứ phía cho các cô hồn. Sau đó người dân, nhất là trẻ con tranh cướp các lễ vật này để lấy may. Thời gian tiếp theo là việc trình diễn, biểu diễn các trò chơi và văn nghệ dân gian.

2.4- Tập tục thờ cá Ông và những di sản văn hóa ngư nghiệp ở vùng biển Việt Nam

Có thể nói, chỉ có ở Việt Nam, tín ngưỡng về cá Ông đã trở thành một tín ngưỡng quan trọng của cộng đồng ngư dân và vẫn còn hiện hữu trong đời sống đương đại. Bởi đây là tín ngưỡng chính của các cộng đồng ngư dân và đã tồn tại rất lâu dài nên đã sản sinh ra một kho tàng di sản quan trọng.

Trước tiên là hệ thống hàng trăm đền/làng thờ cá Ông, là những công trình kiến trúc tín ngưỡng - tôn giáo mang sắc thái rất riêng của "văn hóa biển". Ngoài những giá trị kiến trúc, các đền/làng này còn là một kho chứa các di sản văn hóa. Trước tiên là hàng ngàn bộ xương cá Ông to, nhỏ các loại và ở các thời điểm khác nhau đang được lưu giữ trong các lăng. Ngoài ý nghĩa tín ngưỡng, đây còn là những bộ hiện vật gốc có giá trị cho các loại bảo tàng sinh học, bảo tàng đại dương.

Hệ thống nhiều bản sắc phong do các vua triều Nguyễn phong tặng cho các vị thần Nam Hải đại vương và đồ thờ trong các đền/làng Ông là những bộ sưu tập hiện vật văn hóa biển vô giá hiện còn cần được quan tâm đúng mức.

Qua đó cho thấy rằng, "tập quán văn hóa cá Ông" của ngư dân ở Việt Nam đã hình thành cả một kho tàng di sản văn hóa phi vật thể to lớn, tín ngưỡng/văn hóa cá Ông là một tín ngưỡng/văn hóa quan trọng của ngư dân Việt Nam. Hình ảnh cá Ông trong đời sống thường nhật và trong đời sống tâm linh của ngư dân Việt Nam phản ánh một quan niệm và mối quan hệ tuyệt đẹp giữa những người đánh bắt cá Việt Nam với loài cá to lớn nhất ở đại dương. Trong một vài diễn đàn thương hiệu biển Việt Nam, tôi đã đề xuất lựa chọn hình tượng cá Ông làm biểu tượng chung cho thương hiệu biển Việt Nam. Một lần nữa, tôi muốn nhắc lại đề xuất này để kết thúc bài viết./

N.D.T